TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10-6-2022
V/v: "*Tranh chấp về ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Nguyễn Văn Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Xuân Phong;

2. Bà Mai Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Liêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia và đình thụ lý số: 35/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022 về *"Tranh chấp về ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 30/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Huỳnh Ngọc B, sinh năm 1984; địa chỉ: số 7B, phường HTT, quận CL, thành phố ĐN. *Vắng mặt.*

- *Bị đơn:* chị Lê Thị Thanh H, sinh năm 1995; địa chỉ: tổ dân phố TH, thị trấn ĐP, huyện QS, tỉnh QN. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2021, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - anh Huỳnh Ngọc B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị H tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường HTT, quận CL, thành phố ĐN cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 20/10/2016. Sau khi kết hôn được một năm thì giữa vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau, bản thân chị

H không chăm lo cho gia đình, chị H đã bỏ về nhà cha mẹ của chị ở từ đó cho đến nay, giữa vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin được ly hôn với chị H.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị H nhưng chị vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh B.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn - chị Lê Thị Thanh H có nơi cư trú tại: tổ dân phố TH, thị trấn ĐP, huyện QS, tỉnh QN. Anh Huỳnh Ngọc B khởi kiện xin ly hôn chị H nên quan hệ pháp luật được xác định là *"Tranh chấp về ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: tại phiên tòa, nguyên đơn - anh B có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn - chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh B và chị H tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường HTT, quận CL, thành phố ĐN cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 20/10/2016 nên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Theo anh B, sau khi kết hôn được một năm thì giữa vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau. Chị H đã bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị sống từ đó cho đến nay, giữa vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh B vẫn cương quyết xin ly hôn, còn chị H không tham gia các phiên hòa giải, không tham dự phiên tòa. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh B, chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: anh B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Ngọc B về việc *"Tranh chấp về ly hôn "*.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Huỳnh Ngọc B và chị Lê Thị Thanh H.

2. Về án phí: án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng anh Huỳnh Ngọc B phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà anh B đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004616 ngày 17/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND phường Hòa Thọ Tây, Q. Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng
(GCNKH số 74 ngày 20/10/2016)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thọ